

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÀU BÀNG  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/DS-ST

Ngày: 24-6-2020

V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ái Ngân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Dương Thành Công;
- Ông Nguyễn Long Giang.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Diễm Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Văn Vui- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2020/TLST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2020/QĐST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Phương L, sinh năm 1970; trú tại: khu phố C, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương; có mặt.

**- Bị đơn:**

1. Bà Lê Thị M, sinh năm 1965; vắng mặt.
2. Ông Bùi Văn H, sinh năm 1955; vắng mặt.

Cùng trú tại: khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 13-01-2020, lời trình bày trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương L trình bày:*

Bà L với bà M có mối quan hệ mua bán hàng hóa (thịt heo) ở chợ L. Bà L bán thịt cho bà M từ năm 1992 đến năm 2019, việc mua bán nhiều lần và trả tiền theo hình thức gởi đầu. Đến ngày 02-02-2019, bà L và bà M có làm văn bản ghi

nhận bà M nợ tiền bà L là 225.000.000 đồng. Việc mua bán giữa bà L và bà M và ông H (chồng bà M) có biết. Bà L đã nhiều lần yêu cầu nhưng bà M và ông H không thanh toán.

Nay, bà L khởi kiện yêu cầu bà M và ông H phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà L tiền gốc là 225.000.000 đồng (hai trăm hai mươi lăm triệu đồng), không yêu cầu tiền lãi.

*Tại bản tự khai ngày 02-3-2020, bị đơn bà Lê Thị M trình bày:* Từ năm 1992 đến năm 2019, bà M lấy thịt heo của bà L để về bán ở chợ H. Việc mua bán diễn ra nhiều lần, đến ngày 02-02-2019 bà M và bà L có làm văn bản chốt nợ số tiền là 225.000.000 đồng. Việc mua bán của bà M, ông H cũng biết và đồng ý trả số tiền trên. Tuy nhiên, vì hoàn cảnh khó khăn nên bà M và ông H chưa trả được. Nay, bà L khởi kiện thì bà M đồng ý trả số tiền trên.

*Tại biên bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 24 -02-2020, bị đơn ông Bùi Văn H khai:* Ông H là chồng bà M, có biết việc bà M có buôn bán thịt heo và có nợ bà L số tiền 225.000.000 đồng. Nay, bà L khởi kiện ông H đồng ý cùng bà M trả số tiền 225.000.000 đồng nhưng xin trả dần vì hoàn cảnh khó khăn.

Bà M và ông H vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên họp công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là: 01(một) văn bản có đề chữ “Tiền nợ”

Ngoài ra, đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ tại các Điều 275, 280, 351, 430, 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị Phương L khởi kiện bà Lê Thị M và ông Bùi Văn H về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, bà M và ông H có nơi cư trú tại khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương nên đây là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn bà Lê Thị M và ông Bùi Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà L bán hàng hóa cho bà M nhiều lần từ năm 1992 đến năm 2019. Do bà M không trả được nợ nên ngày 02-2-2019 bà L và bà M lập giấy thỏa thuận chốt nợ, chữ viết do bà M viết. Khi thỏa thuận các đương sự có năng lực hành vi dân sự và tự nguyện giao dịch với nhau. Nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên thỏa thuận do các bên lập là có hiệu lực pháp luật và có ý nghĩa ràng buộc trách nhiệm pháp lý giữa hai bên. Bà M và ông H thống nhất có việc mua bán và nợ tiền như bà L trình bày nên đây là chứng cứ không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ cơ sở phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phương L, buộc bà Lê Thị M và ông Bùi Văn H có nghĩa vụ liên đới phải trả cho bà Nguyễn Thị Phương L số tiền gốc là 225.000.000 đồng (hai trăm hai mươi lăm triệu đồng).

[4] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án là có căn cứ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 92; khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 228; Điều 244 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 274, 275, 280, 351, 357, 430, 440 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương L với bị đơn bà Lê Thị M và ông Bùi Văn H về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Buộc bà Lê Thị M và ông Bùi Văn H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Phương L số tiền 225.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

## **2. Về án phí:**

Bà Lê Thị M và ông Bùi Văn H phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 11.250.000 đồng (Mười một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị Phương L không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà L 5.625.000 đồng (năm triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tiền số AA/2016/0021415 ngày 17-01-2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

**3. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

**4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành** theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Bàu Bàng;
- Các đương sự;
- Công Thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu: hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Ái Ngân**